

Số: /QĐ-UBND-HC

Sa Đéc, ngày 26 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao chỉ tiêu lĩnh vực văn hóa - xã hội,
môi trường - đô thị năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân thành phố Sa Đéc (khóa XII) kỳ họp thứ năm về kế hoạch phát
triển kinh tế - xã hội năm 2023;*

*Căn cứ Kế hoạch số 273/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân Thành phố về phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;*

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố Sa Đéc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu chủ yếu về lĩnh vực văn hóa - xã hội, môi trường
- đô thị thành phố Sa Đéc năm 2023, cụ thể theo biểu mẫu đính kèm.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho Trưởng phòng Tài nguyên- Môi trường,
Trưởng phòng Quản lý Đô thị, Thủ trưởng các ngành thuộc khối văn hóa - xã
hội Thành phố phối hợp với các ngành của Thành phố và Ủy ban nhân dân các
xã, phường tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành chỉ tiêu được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố; Thủ trưởng các
cơ quan, ban, ngành Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh ĐT;
- TT/Thành uỷ, TT/HĐND TP;
- CT và các PCT UBND TP;
- LĐVP HĐND và UBND TP;
- Lưu: VT, NC/kn.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hon

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI,
MÔI TRƯỜNG - ĐÔ THỊ NĂM 2023**

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND-HC ngày 26/12/2022
của Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Giáo dục		
	- Tỷ lệ huy động trẻ em từ 6 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi đi nhà trẻ	%	>38,5
	- Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo	%	>90
	- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học	%	
	+ <i>Tiểu học</i>		98,00
	+ <i>Trung học cơ sở</i>		97,11
	+ <i>Trung học phổ thông</i>		94,00
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	75,00
2	Môi trường -Đô thị		
	- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	100,00
	- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	%	95,00
	- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	99,00
	- Tỷ lệ nông thôn đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	99,00
	- Tỷ lệ đô thị hóa	%	82,00
3	Y tế		
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	

	<i>Cân nặng theo tuổi</i>	%	9,29
	<i>Chiều cao theo tuổi</i>	%	12,75
	- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	100,00
	- Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	%	89,00
	- Tỷ lệ trạm y tế xã/phường có bác sĩ làm việc	%	100,00
4	Dân số- KHHGD&CSTE		
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	<1
	- Tỷ lệ giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	103-107%
5	Lao động-TB&XH		
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	<1,65
	- Số người lao động có việc làm trong năm	Người	1.800
	- Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	78,6
	<i>Trong đó: Có bằng, chứng chỉ</i>	%	50,00
	- Tổng số lao động nông thôn được đào tạo nghề	Người	4.000
	- Số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng trong năm	Người	79
6	Văn hóa		
	- Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	88,00